

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vũ Bằng.
2. Ông Duyên Văn Hiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký
tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thái N** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 17, Tổ tự quản số 14, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh **Phan Văn D** – sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Chị N, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2019, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thái N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hòa hợp, chị và anh D hiện đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định, thời gian chung sống chị và anh D có một người con chung, cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 07/11/2010, cháu hiện

đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/6/2019, bị đơn anh Phan Văn D trình bày:

Anh thống nhất với nội dung khởi kiện của chị N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, theo đó:

Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn theo quy định, anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác định, thời gian chung sống anh chị có một người con chung, cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 07/11/2010, cháu hiện đang sống cùng với chị N. Anh đồng ý giao cháu Tuyên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Phan Văn D có nơi trú tại ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thái N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Phan Văn D, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị N là người khởi kiện, anh D là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh D là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N và anh D có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/6/2010 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, nếu các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, anh D đồng ý ly hôn với chị N, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có một người con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 07/11/2010, cháu hiện đang sống với chị N, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T, cháu có nguyện vọng được sống với chị N, chị là người trực tiếp chăm sóc cho cháu từ khi sinh ra đến nay, việc tạo điều kiện cho cháu được ở chung với chị N sẽ đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của cháu, cũng như đảm bảo cuộc sống ổn định vốn có của cháu lâu nay. Anh D đồng ý giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên, của cháu T và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuyền, xét đây là ý chí tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D đều xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thái N về việc ly hôn với anh Phan Văn D.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thái N được ly hôn với anh Phan Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 07/11/2010 cho chị Đỗ Thị Thái N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Phan Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thái N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003133 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Đỗ Thị Thái N không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Bình Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp